



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2022

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
 Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
 Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
 Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải GPP (suối Tre), vị trí lấy mẫu theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, (X = 1156838,00 và Y = 441486,00)
 Ngày lấy mẫu : 11/10/2022 Lần ban hành : 01

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vn

website: https://hsevn.com.vn

MST: 031.078.0286

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40: 2011/ BTNMT (Cột B) Kq=0,9; Kf=1,0	Phương pháp phân tích
18	Zn*	mg/l	KPH (MDL = 0,015)	2,7	TCVN 6193:1996
19	Cu*	mg/l	KPH (MDL = 0,016)	1,8	TCVN 6193: 1996
20	Ni*	mg/l	KPH (MDL = 0,02)	0,45	TCVN 6193:1996
21	Mn*	mg/l	KPH (MDL = 0,013)	0,9	SMEWW 3111.B:2017
22	Cr tổng*	mg/l	KPH (MDL = 0,015)	-	SMEWW 3111.B: 2017
23	Cr (III)*	mg/l	KPH (MDL = 0,015)	0,9	SMEWW 3111B:2017+ TCVN 6658:2000
24	Cr (VI)*	mg/l	KPH (MDL = 0,0016)	0,09	TCVN 6658:2000
25	Clo dư*	mg/l	KPH (MDL = 0,038)	1,8	SMEWW 4500- Cl.G:2017
26	DO*	mgO ₂ /l	2,01	-	TCVN 7324: 2004
27	Dầu mỡ khoáng*	mg/l	1,6	9	SMEWW 5520.B& F: 2017
28	Coliform*	MPN/ 100 ml	2.100	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 693-10/22-1.1 / KQPT)

KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG****Nguyễn Thanh Sơn****Hồ Thị Kim Cúc**



Số: 0008-10/22-08-05-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại Khu nhà điều hành
Ngày lấy mẫu : 11/10/2022 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,0	Phương pháp phân tích
1	pH* (30,9°C)	-	6,64	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS*	mg/l	30	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD ₅ *	mg/l	37	50	TCVN 6001-1:2008
4	TDS*	mg/l	312	1000	SOP_HTN05
5	Sunfua*	mg/l	0,37	4,0	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017
6	Amoni* (N-NH ₄ ⁺)	mg/l	3,94	10	TCVN 6179-1:1996
7	Nitrat* (N-NO ₃ ⁻)	mg/l	10,7	50	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Phosphat* (P-PO ₄ ³⁻)	mg/l	1,04	10	TCVN 6202: 2008
9	Dầu mỡ ĐTV*	mg/l	2,7	20	SMEWW 5520.B&F: 2017
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt*	mg/l	0,55	10	TCVN 6622-1:2009
11	Coliform*	MPN/100 ml	4.000	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 693-10/22-1.1 / KQPT)

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Thanh Sơn



Hồ Thị Kim Cúc



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2022

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU

Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)

Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ

Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải GPP (sau Filter F-71A/B), vị trí lấy mẫu theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', (X = 1156717,00 và Y=441601,00)

Ngày lấy mẫu : 11/10/2022 Lần ban hành : 01

Stamp: M.S.D.N:03
C
C
DỊCH VỤ
SA
THÀNH PH



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vn

website: <https://hsevn.com.vn>

MST: 031.078.0286

17	Coliform*	MPN/100 ml	2.800	5.000	TCVN 6187-2:1996
----	-----------	---------------	-------	-------	------------------

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 693-10/22-1.1 / KQPT)

KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn



Hồ Thị Kim Cúc





Số: 0008-10/22-08-07-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra Nam Côn Sơn Terminal, vị trí lấy mẫu theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, (X = 1156389,00 và Y = 441721,00)
Ngày lấy mẫu : 11/10/2022 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) (Kq=0,9; Kf=1,0)	Phương pháp phân tích
1	pH* (30,8°C)	-	6,58	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ*	°C	30,8	40	SMEWW 2550.B:2017
3	TSS*	mg/l	34	90	SMEWW 2540.D: 2017
4	BOD ₅ *	mg/l	40	45	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N*	mg/l	7,11	36	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P*	mg/l	0,91	5,4	TCVN 6202: 2008
7	Fe*	mg/l	0,57	4,5	TCVN 6177: 1996
8	Hg*	mg/l	KPH (MDL=25×10 ⁻⁵)	0,009	TCVN 7877:2008
9	Pb*	mg/l	KPH (MDL=0,0021)	0,45	SMEWW 3113.B: 2017
10	Cd*	mg/l	KPH (MDL=13×10 ⁻⁵)	0,09	SMEWW 3113.B: 2017
11	Zn*	mg/l	KPH (MDL=0,015)	2,7	TCVN 6193:1996
12	Cr tổng*	mg/l	KPH (MDL=0,015)	-	SMEWW 3111.B: 2017
13	Ni*	mg/l	KPH (MDL=0,02)	0,45	TCVN 6193:1996
14	Mn*	mg/l	KPH (MDL=0,013)	0,9	SMEWW 3111.B:2017
15	DO*	mgO ₂ /l	1,90	-	TCVN 7324: 2004
16	Dầu mỡ khoáng*	mg/l	1,8	9	SMEWW 5520.B& F: 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vn website: <https://hsevn.com.vn> MST: 031.078.0286

17	Coliform*	MPN/100 ml	2.700	5.000	TCVN 6187-2:1996
----	-----------	---------------	-------	-------	------------------

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

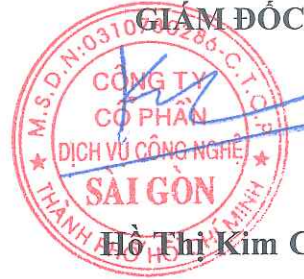
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 693-10/22-1.1 / KQPT)

KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn



Hồ Thị Kim Cúc





Số: 0008-10/22-08-08-KQPT

Tp. HCM, ngày 21 tháng 10 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cỏ (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, Huyện Long Điền, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Đất gần Suối Tre khu vực Nhà máy xử lý khí Dinh Cỏ, vị trí lấy mẫu có tọa độ
X = 1156719,00 và Y=441600,00
Ngày lấy mẫu : 11/10/2022 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU ĐẤT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03-MT: 2015/BTNMT Đất công nghiệp	Phương pháp phân tích
1	Cadimi (Cd)*	mg/kg	1,12	10	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009
2	Chì (Pb)*	mg/kg	34,5	300	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009
3	Kẽm (Zn)*	mg/kg	178,5	300	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009
4	Tổng Crôm (Cr)*	mg/kg	KPH (MDL = 1,1)	250	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009
5	Thủy ngân (Hg)*	mg/kg	KPH (MDL= 0,04)	-	TCVN 6649:2000 + TCVN 8882:2011
6	Niken (Ni)*	mg/kg	14,1	-	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009
7	Sắt (Fe)*	mg/kg	405,6	-	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009
8	Mangan (Mn)*	mg/kg	2,45	-	TCVN 6649:2000 + SMEWW 3111B :2017
9	Hydrocacbon*	mg/kg	4,55	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 693-10/22-1.1 / KQPT)

QCVN 03-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Thanh Sơn



Hồ Thị Kim Cúc



Số: 0008-10/22-08-09-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Trầm tích tại Suối Tre khu vực Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, vị trí lấy mẫu theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', (X = 1156717,00 và Y = 441601,00)
Ngày lấy mẫu : 11/10/2022 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU TRẦM TÍCH

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 43: 2017/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Trầm tích nước ngọt	Trầm tích nước mặn, nước lợ	
1	Cadimi (Cd)*	mg/kg	0,37	3,5	4,2	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
2	Chì (Pb)*	mg/kg	18,9	91,3	112	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
3	Kẽm (Zn)*	mg/kg	56,7	315	271	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
4	Tổng Crom (Cr)*	mg/kg	KPH (MDL= 1,1)	90	160	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
5	Thủy ngân (Hg)*	mg/kg	KPH (MDL=0,04)	0,5	0,7	TCVN 6649:2000 + TCVN 8882:2011
6	Niken (Ni)*	mg/kg	15,6	-	-	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009
7	Sắt (Fe) *	mg/kg	101,4	20000	-	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009
8	Magan (Mn)*	mg/kg	1,59	-	-	TCVN 6649:2000 + SMEWW 3111B :2017
9	Hydrocacbon*	mg/kg	3,26	100	100	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vincerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 693-10/22-1.1 / KQPT)

KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 43:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Nguyễn Thanh Sơn



Hồ Thị Kim Cúc



Số: 0008-10/22-08-10-KQPT

Tp. HCM, ngày 21 tháng 10 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Phiêu sinh Thực vật
Ngày lấy mẫu : 11/10/2022

Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	TÊN KHOA HỌC	ĐỊNH TÍNH	ĐỊNH LƯỢNG Số cá thể/m ³
	Lớp Bacillariophyceae (bộ Centrales)		
1	<i>Actinoptichus annulatus</i>	x	128.000
2	<i>Biddulphia regia</i>	x	130.000
3	<i>Biddulphia sinensis</i>		
4	<i>Coscinodiscus excentricus</i>	x	144.000
5	<i>Coscinodiscus bipartitus</i>	x	1.176.000
6	<i>Coscinodiscus lineatus</i>	x	135.000
7	<i>Coscinodiscus radiatus</i>	x	209.000
8	<i>Coscinodiscus spp</i>	x	850.000
9	<i>Cyclotella comta</i>	x	182.000
10	<i>Cyclotella meneghiniana</i>	x	163.000
11	<i>Dithylum brightweli</i>	x	1.249.000
12	<i>Dithylum sol</i>	x	25.000
13	<i>Skeletonema costatum</i>	x	79.000
	Lớp Bacillariophyceae (bộ Pennales)		
14	<i>Gyrosigma angulatum</i>	x	102.000
15	<i>Gyrosigma balticum</i>	x	0
16	<i>Thalassiothrix frauenfeldii</i>	x	537.000
	Tổng số cá thể		5.109.000





CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vn

website: <https://hsevn.com.vn>

MST: 031.078.0286

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 693-10/22-1.1 / KQPT)

Phương pháp định tính: hình thái học

Phương pháp định lượng SMEWW 10200B:2012

Mẫu: Sinh học tại Suối Tre khu vực nhà máy xử lý khí Dinh Cố, có tọa độ X: 1156717,00; Y: 441601,00

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn



GIÁM ĐỐC

Hồ Thị Kim Cúc



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

Số: 0008-10/22-08-11-KQPT

Tp. HCM, ngày 21 tháng 10 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Phiêu sinh động vật
Ngày lấy mẫu : 11/10/2022

Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	TÊN KHOA HỌC	ĐỊNH TÍNH	ĐỊNH LƯỢNG (cá thể/m ³)
	Phylum PYRRROPHYCOPHYTA		
	Class Dinophyceae		
	Order Gonyaulacales		
	Family Ceratiaceae		
1	<i>Ceratium furca</i> Claparède & Lachmann, 1859	x	1.120
2	<i>Ceratium tripos</i> Nitzsch, 1817	x	1050
3	<i>Ceratium</i> sp.	x	1.320
	Family Heterodiniaceae		
4	<i>Peridinium granii</i> Ostensfeld, 1906	x	5.580
	Phylum EUGLENOPHYCOTA		
	Class Euglenophyceae		
	Order Euglenales		
	Family Euglenaceae		
5	<i>Euglena</i> sp.	x	16.850
	Phylum PROTOZOA		
	Class Lobosa		
	Order Arcellinida		
	Family Diffugiidae		
6	<i>Diffugia acuminata</i> Ehrenberg, 1838	x	4.160
7	<i>Diffugia binucleata</i> Penard, 1902	x	1.240
8	<i>Diffugia distenda</i> Penard, 1899	x	17.000
9	<i>Diffugia lanceolata</i> Penard, 1890	x	20.890
10	<i>Diffugia lebes</i> Penard, 1899	x	1.420
11	<i>Diffugia urceolata</i> Carter, 1864	x	10.950



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 - Hotline: 0986 709 307 - 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vnwebsite: <https://hsevn.com.vn>

MST: 031.078.0286

STT	TÊN KHOA HỌC	ĐỊNH TÍNH	ĐỊNH LƯỢNG (cá thể/m ³)
	Phylum CILIOPHORA		
	Class Ciliata		
	Order Oligotrichida		
	Family Codonellidae		
12	<i>Tintinnopsis mortenseni</i> Schmidt, 1901		
	Phylum ARTHROPODA		
	Class Maxillopoda		
	Order Calanoida		
	Family Diaptomidae		
13	<i>Diaptomus sp</i>	x	3.460
	Bộ Cyclopoida		
	Họ Cyclopidae		
14	<i>Ectocyclops phaleratus</i> Koch, 1838	.	9.200
15	<i>Thermocyclops oithonoides</i> Sars G.O., 1863	x	910
16	Ấu trùng nhóm Copepoda	x	96.500

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 693-10/22-1.1 / KQPT)

Phương pháp định tính: hình thái học

Phương pháp định lượng SMEWW 10300B:2012

Mẫu: Sinh học tại Suối Tre khu vực nhà máy xử lý khí Dinh Cố, có tọa độ X: 1156717,00; Y: 441601,00

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG****Nguyễn Thanh Sơn****GIÁM ĐỐC****Hồ Thị Kim Cúc**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vnwebsite: <https://hsevn.com.vn>

MST: 031.078.0286

Số: 0008-10/22-08-12-KQPT

Tp. HCM, ngày 21 tháng 10 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Động vật đáy không xương sống cỡ lớn
Ngày lấy mẫu : 11/10/2022 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	TÊN KHOA HỌC	ĐỊNH TÍNH	ĐỊNH LƯỢNG (cá thể/kg mẫu bùn đáy ướt)
	Phylum MOLLUSCA		
	Class Bivalvia		
	Order Venerida		
	Family Veneridae		
1	<i>Meretrix lyrata</i> G.B.Sowerby II, 1851	x	8
	Order Mytiloida		
	Family Mytilidae		
2	<i>Brachidontes</i> sp.		
	Order Veneroida		
	Family Cyrenidae		
3	<i>Corbicula fluminea</i> O.F. Muller, 1974	x	7
	Order Unionoida		
	Family Unionidae		
4	<i>Ensidens</i> sp.		
	Class Gastropoda		
	Order Caenogastropoda		
	Family Thiariidae		
5	<i>Melanoides tuberculata</i> O.F.Muller, 1774		
	Order Neritimorpha		
	Family Neritidae		
6	<i>Neritina</i> sp.		
	Phylum ARTHROPODA		
	Class Insecta		
	Order Diptera		
	Family Chironomidae		
7	<i>Chironomus</i> sp.	x	11
	Phylum ANNELIDA		





Số: 0008-10/22-08-13-KQPT

Tp. HCM, ngày 21 tháng 10 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cỏ (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Sinh vật trên cạn tại khu vực Suối Tre gần Nhà máy xử lý khí Dinh Cỏ, vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1156718,00 và Y=441602,00
Ngày lấy mẫu : 11/10/2022 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

STT	Tên sinh vật	Đơn vị	Kết quả điều tra	Phương pháp điều tra
1	Bướm	Con/m ²	7	Quan sát
2	Chuồn Kim	Con/m ²	10	Quan sát
3	Nhái	Con/m ²	7	Quan sát
4	Châu Chấu	Con/m ²	11	Quan sát
5	Bọ Xít	Con/m ²	1	Quan sát
6	Sâu	Con/m ²	38	Quan sát
7	Ong	Con/m ²	19	Quan sát
8	Các Loại côn trùng khác	Con/m ²	56	Quan sát

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 693-10/22-1.1 / KQPT)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

Hồ Thị Kim Cúc



Số: 0008-10/22-08-01-KQPT

Tp. HCM, ngày 21 tháng 10 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cỏ (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Tiếng ồn
Ngày lấy mẫu : 11/10/2022 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA

KẾT QUẢ ĐO TIẾNG ỒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)
1. Ngoài khu vực sản xuất cách hàng rào 100m (khu vực dân cư phía sau) của Nhà máy xử lý khí Dinh Cỏ, có tọa độ X: 00441904; Y: 01156556	54
Giới hạn tối đa cho phép trong khu vực công cộng và dân cư (QCVN 26:2010/BTNMT)	Từ 6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 55
2. Trong khu vực công nghệ của Nhà máy xử lý khí Dinh Cỏ, có tọa độ X: 00441756; Y: 01156563	67
QCVN 24:2016/BYT	≤ 85

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đặc

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 693-10/22-1.1 / KQPT)

QCVN 24:2016/BYT: Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tại nơi làm việc

QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC



Hồ Thị Kim Cúc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vn

website: https://hsevn.com.vn

MST: 031.078.0286

Số: 0008-10/22-08-03-KQPT

Tp. HCM, ngày 21 tháng 10 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu : 11/10/2022

Lần ban hành

: 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm ³
3	NO _x (tính theo NO ₂)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm ³
4	SO ₂ *	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm ³
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
6	Hydrocarbons (C _x H _y)*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,15 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Bụi	CO	SO ₂	NO _x	C _x H _y
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
Khí thải nén khí đầu vào K-1011 ngay điểm xả ống khói, có tọa độ X: 1156496; Y: 441635 (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	12	9,65	KPH	3,25	8,75
Khí thải máy nén K-01A/B, có tọa độ X: 1156560; Y: 441754 (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	16	10,4	KPH	7,15	5,92
Khí thải máy nén K-02/03, có tọa độ X: 1156562; Y: 441755 (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	15	12,3	KPH	5,22	6,31
Khí thải máy phát điện G-71, có tọa độ X: 115606; Y: 441690 (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	38	51,4	KPH	60,4	7,54
Khí thải máy phát điện G-72, có tọa độ X: 1156612; Y: 441690 (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	40	49,6	KPH	53,2	10,7



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vnwebsite: <https://hsevn.com.vn>

MST: 031.078.0286

Khí thải Heater H-31A/B, có tọa độ X: 1156598; Y: 441749 (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	15	11,4	KPH	5,21	6,95
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p = 1 và K _v = 1	200	1000	500	850	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 693-10/22-1.1 / KQPT)

KPH: Không phát hiện (< MDL)

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG****Nguyễn Thanh Sơn****GIÁM ĐỐC****Hồ Thị Kim Cúc**



Số: 0008-10/22-08-02-KQPT

Tp. HCM, ngày 21 tháng 10 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Chất lượng không khí
Ngày lấy mẫu : 11/10/2022 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	CO*	SOP K01-LM	SOP K01-PT	0,044 mg/m ³
3	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971: 1995	0,0085 mg/m ³
4	NO ₂ *	TCVN 6137: 2009	TCVN 6137:2009	0,0046 mg/m ³
5	Hydrocarbons (C _x H _y)*	NIOSH Method 1500	NIOSH Method 1500	0,030 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu	Bụi	CO	SO ₂	NO ₂	C _x H _y
Điểm đo	(mg/m ³)	(mg/m ³)	(mg/m ³)	(mg/m ³)	(mg/m ³)
1.Ngoài hàng rào gần khu vực Flare – Burn pit, có tọa độ X: 00441820; Y: 01156402	0,15	2,04	0,045	0,018	0,99
2.Khu vực nhà dân cách nhà máy 100m, có tọa độ X: 00441904; Y: 01156556	0,16	1,86	0,038	0,015	1,05
3.Khu vực nhà dân cách nhà máy 200m, có tọa độ X: 00441669; Y: 01156748	0,19	1,93	0,029	0,021	1,01
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05 : 2013/BTNMT) (QCVN 06 : 2009/BTNMT)	0,3	30	0,35	0,2	5

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 693-10/22-1.1 / KQPT)

KPH: Không phát hiện (< MDL)

QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

Hồ Thị Kim Cúc